

THÔNG BÁO

V/v thực hiện chế độ miễn, giảm học phí
cho sinh viên hệ đại học chính quy
Năm học 2021-2022

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BDGĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh – Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Nhà trường thông báo việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí năm học 2021-2022 đối với sinh viên hệ đại học chính quy của trường như sau:

1. Quy định về miễn, giảm học phí

- Việc miễn, giảm học phí cho SV được thực hiện tại trường nơi SV đang học tập.
- SV thuộc diện được miễn, giảm học phí phải nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định để được nhà trường xét hưởng miễn, giảm học phí.
- Việc xét miễn, giảm học phí cho SV được tiến hành theo học kỳ. SV hoàn tất hồ sơ xét miễn, giảm học phí ở học kỳ nào thì được hưởng miễn, giảm học phí ở học kỳ đó. Không giải quyết truy hưởng miễn, giảm học phí của các học kỳ trước.
- SV thuộc diện được miễn, giảm học phí mà học cùng lúc 2 chương trình thì chỉ được hưởng chế độ miễn, giảm học phí ở chương trình thứ nhất.

2. Đối tượng được miễn 100% học phí

❖ Đối tượng 1:

Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

+ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

+ Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

❖ Đối tượng 2:

Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

❖ Đối tượng 3:

Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:

- + Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- + Mồ côi cả cha và mẹ;
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- + Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- + Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

❖ Đối tượng 4:

SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

❖ Đối tượng 5:

SV là người dân tộc thiểu số **rất ít người** ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn (*Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu*)

3. Đối tượng được giảm 70% học phí

SV là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

4. Đối tượng được giảm 50% học phí

SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

5. Thủ tục hồ sơ

Đối tượng	Hồ sơ cần phải nộp	Ghi chú
1. Đối tượng miễn 100 % học phí		
Đối tượng 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy chứng nhận do phòng Lao động TB&XH cấp 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
Đối tượng 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Giấy xác nhận sinh viên bị tàn tật, khuyết tật; - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
Đối tượng 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao giấy chứng tử của bố, mẹ. 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
Đối tượng 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Bản sao giấy khai sinh; - Giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo 	Xét theo từng kỳ
Đối tượng 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao Sổ hộ khẩu - Giấy xác nhận của chính quyền địa phương việc SV có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo các văn bản hiện hành. 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
2. Đối tượng giảm 70% học phí		
Đối tượng 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao Sổ hộ khẩu - Giấy xác nhận của chính quyền địa phương việc SV có hộ khẩu thường trú tại vùng có <u>điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</u> theo các văn bản hiện hành. 	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
3. Đối tượng giảm 50% học phí		

Đối tượng 7	- Đơn xin miễn, giảm học phí (mẫu của trường); - Bản sao giấy khai sinh; - Bản sao thẻ, sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố (mẹ) do tổ chức BHXH cấp.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học
-------------	--	--------------------------------

4. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ

+ **Thời gian:** Học kỳ I: Từ đầu học kỳ đến hết ngày 17/9/2021.

Học kỳ II: Từ đầu học kỳ đến hết ngày 15/3/2022.

+ **Địa điểm:**

Nộp trực tiếp: Phòng Công tác HSSV (Phòng 109 Khu hiệu bộ)

Nộp gián tiếp: Chuyển phát nhanh đến địa chỉ (Cô Phạm Thị Nga – Phòng Công tác HSSV – Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Phường Tân Thịnh – Thành phố Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên SĐT: 0946 643 666)

Lưu ý:

Sinh viên thuộc đối tượng 1,2,3,5,6,7 đang được hưởng miễn, giảm học phí không phải nộp lại hồ sơ xin miễn giảm học phí cho đến khi nhà trường có thông báo.

Sinh viên thuộc đối tượng 4 (*SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo*) phải nộp hồ sơ miễn giảm học phí theo từng kỳ.

Sinh viên nộp hồ sơ đúng thủ tục, đúng thời gian và địa điểm theo quy định. Sau thời gian trên, Nhà trường sẽ không giải quyết các vấn đề liên quan đến miễn giảm học phí trong học kỳ đó. Kết quả xét duyệt sẽ được thông báo công khai trên website của Nhà trường và của phòng Công tác HSSV./.

Nơi nhận:

- Đăng tải Website;
- Lưu VT, CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

PGS.TS. Trần Nhuận Kiên